

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO
Ngày Thi: 23/11/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC11969	Nguyễn Lê Lan	Anh	22/07/2004	Đồng Nai	9,0	7,0	8,0	8,0	7,67	Đạt	
2	BKNC11970	Nguyễn Nhật Minh	Anh	23/07/2004	Lâm Đồng	8,33	8,0	9,0	8,0	8,33	Đạt	
3	BKNC11971	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	20/07/2004	Đồng Nai	5,67	8,0	8,0	7,0	7,67	Đạt	
4	BKNC11972	Lê Bảo	Châu	23/12/2003	Gia Lai	6,67	7,0	8,0	6,0	7,0	Đạt	
5	BKNC11973	Phạm Hữu	Danh	11/08/2005	Đồng Tháp	9,0	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
6	BKNC11974	Đỗ Thị	Diệu	14/01/2006	Gia Lai	9,33	8,5	8,5	5,0	7,33	Đạt	
7	BKNC11975	Lý Bảo	Hân	06/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,5	9,0	8,5	8,33	Đạt	
8	BKNC11976	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
9	BKNC11977	Nguyễn Đăng Quang	Huy	27/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	9,5	9,5	9,0	9,33	Đạt	
10	BKNC11978	Nguyễn Ngọc Như	Huỳnh	29/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,5	9,0	9,0	8,83	Đạt	
11	BKNC11979	Nguyễn Hoàng	Khánh	24/07/2002	An Giang	5,0	7,0	3,5	6,5	5,67	Không đạt	
12	BKNC11980	Nguyễn Thị Xuân	Liên	20/02/1984	Tiền Giang	8,0	7,0	6,0	9,0	7,33	Đạt	
13	BKNC11981	Nguyễn Hồng	Ngân	29/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	9,0	9,0	9,17	Đạt	
14	BKNC11982	Trần Thị Kim	Ngọc	27/09/2004	Đồng Tháp	9,33	9,5	9,5	9,5	9,5	Đạt	
15	BKNC11983	Nguyễn Mĩ	Ngọc	02/02/2004	Vĩnh Long	9,33	9,0	7,5	6,0	7,5	Đạt	
16	BKNC11984	Bảo Quý	Nhân	09/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	9,5	9,5	9,0	9,33	Đạt	
17	BKNC11985	Nguyễn Thị	Oanh	06/06/2004	Nghệ An	7,0	7,0	9,0	7,0	7,67	Đạt	
18	BKNC11986	Nguyễn Huỳnh Tấn	Phát	26/03/2005	Tây Ninh	5,33	8,0	6,0	9,0	7,67	Đạt	
19	BKNC11987	Nguyễn Đỗ Minh	Quân	19/03/1990	Tây Ninh	9,33	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
20	BKNC11988	Nguyễn Trần Duy	Tâm	08/11/2005	Tây Ninh	9,33	9,0	9,0	7,0	8,33	Đạt	
21	BKNC11989	Pupur Thị	Thiệp	19/04/2004	Khánh Hòa	7,67	2,0	5,0	7,0	4,67	Không đạt	
22	BKNC11990	Trần Thị	Thơm	28/11/2004	Tây Ninh	8,67	9,5	9,5	9,0	9,33	Đạt	
23	BKNC11991	Nguyễn Minh	Thư	27/03/2004	Tây Ninh	9,0	9,0	9,0	9,5	9,17	Đạt	
24	BKNC11992	Nguyễn Thị Anh	Thư	03/06/2004	Thừa Thiên Huế	8,67	7,5	9,0	9,5	8,67	Đạt	
25	BKNC11993	Bùi Lê Ánh	Thu	08/04/2004	Quảng Ngãi	9,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
26	BKNC11994	Trương Thị	Thủy	20/07/2004	Thanh Hóa	8,33	6,0	8,0	7,0	7,0	Đạt	
27	BKNC11995	Nguyễn Trung	Tín	18/02/2005	Tây Ninh	7,67	9,5	9,0	5,0	7,83	Đạt	
28	BKNC11996	Cao Thị Hà	Trang	14/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	6,0	8,0	7,0	7,0	Đạt	
29	BKNC11997	Nguyễn Quốc	Trưởng	21/06/2000	Tây Ninh	9,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
30	BKNC11998	Đặng Ngọc	Tuấn	30/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,5	9,0	9,0	9,17	Đạt	
31	BKNC11999	Hoàng Anh	Tuấn	12/07/2005	Đồng Nai	8,33	7,5	9,0	9,0	8,5	Đạt	
32	BKNC12000	Phạm Thanh	Túy	25/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	9,0	8,5	9,0	8,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
33	BKNC12001	Lê Thị Tường	Vi	19/09/2005	An Giang	6,67	7,5	9,5	5,0	7,33	Đạt	
34	BKNC12002	Lê Đức Tiến	Vương	09/04/2001	Gia Lai	9,0	8,0	9,0	9,0	8,67	Đạt	
35	BKNC12003	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	22/02/2004	Bình Định	8,0	10,0	9,5	9,0	9,5	Đạt	
36	BKNC12004	Ngô Thị Hải	Yến	16/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,5	6,5	8,5	7,5	Đạt	
37	BKNC12005	Nguyễn Huỳnh Kim	Yến	22/03/2005	Quảng Ngãi	8,33	9,5	9,5	9,0	9,33	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) ≥ 5 và Điểm thực hành 3 mô đun ≥ 5

Số lượng thí sinh:37Số thí sinh đạt:35

Số lượng hiện diện:37

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam